

UBND XÃ HÀ NAM

PHỤ LỤC 1A

**Thực trạng số lượng, quy mô số hộ gia đình tại các thôn
trên địa bàn xã Hà Nam tính đến ngày 20/5/2026**

(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày 30/05/2026 của UBND xã Hà Nam)

STT	Tên thôn	Quy mô thôn/tổ dân phố					Số người hoạt động không chuyên trách ở thôn	Số người tham gia hoạt động trực tiếp ở thôn	Ghi chú
		Số hộ gia đình	Đạt tỷ lệ so với quy định	Tổng số dân	Diện tích (ha)	Yếu tố đặc thù (nếu có)			
<i>A</i>	<i>l</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>
I	ĐỐI VỚI XÃ HÀ NAM	8,660	2,165	27.633	2,781.5		31	20	
1	Thôn Lang Can 1	732	183.00	2.216	258.60	0	2	1	
2	Thôn Lang Can 2	659	164.75	2.009	128.90	0	2	1	
3	Thôn Lang Can 3	532	133.00	1.626	200	0	2	1	
4	Thôn Kim Can	476	119.00	1.405	230.35	0	2	1	
5	Thôn Quách An	491	122.75	1.502	139.70	0	2	1	
6	Thôn Tiên Tảo	766	191.50	2.284	188.40	0	2	1	
7	Thôn Văn Tảo	740	185.00	2.200	168.30	0	2	1	
8	Thôn Trường Giang	348	87.00	1.113	103.90	0	2	2	
9	Thôn Xuân Đám	718	179.50	2.538	389.81	0	2	1	
10	Thôn Thiện Trang	699	174.75	2.436	246.80	0	2	1	
11	Thôn Mạc Thủ 1	629	157.25	2.092	362.20	0	2	2	
12	Thôn Mạc Thủ 2	461	115.25	1.514	58.90	0	3	1	
13	Thôn Mạc Động	434	108.50	1.422	131.00	0	2	2	
14	Thôn Tiêu Xá	372	93.00	1.219	50.50	0	2	2	
15	Thôn Văn Mạc	603	150.75	2.057	124.18	0	2	2	

UBND XÃ HÀ NAM**PHỤ LỤC 1B****Tổng hợp thực trạng quy mô số hộ gia đình của thôn trên địa bàn xã Hà Nam***(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày 30/05/2026 của UBND xã Hà Nam)*

TT	Tên địa phương	Số hộ (hộ)	Số nhân khẩu (người)	Số đảng viên (người)	Số thôn hiện có				Ghi chú	
					Tổng số	Trong đó quy mô số hộ gia đình				
						Dưới 50%	Từ 50% đến dưới 70%	Từ 70% đến dưới 100%		Từ 100% trở lên
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>
1	Xã Hà Nam	8,660	27.633	723	15	0		2	13	

PHỤ LỤC SỐ 2

Tổng hợp số lượng các tổ chức của thôn trên địa bàn xã Hà Nam

(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày 30/05/2026 của UBND xã Hà Nam)

TT	Tên địa phương	Số lượng thôn	Các tổ chức tại thôn																			Ghi chú	
			Trước khi sắp xếp thôn									Sau khi sắp xếp thôn											So sánh trước khi sắp xếp và sau sắp xếp
			Tổng số	Trong đó								Tổng số	Trong đó										
				Chi bộ	Ban công tác Mặt trận	Chi hội CCB	Chi hội phụ nữ	Chi đoàn TN	Chi hội nông dân	Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng	Khác (Chữ thập đỏ, người cao tuổi...)		Chi bộ	Ban công tác Mặt trận	Chi hội CCB	Chi hội phụ nữ	Chi đoàn TN	Chi hội nông dân	Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng	Khác (Chữ thập đỏ, người cao tuổi...)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22=13-4	23	
1	Xã Hà Nam	15	165	15	15	15	15	15	15	0	75	143	13	13	13	13	13	13	13	0	65	-22	

PHỤ LỤC 3A

Danh sách người hoạt động không chuyên trách ở thôn trên địa bàn xã Hà Nam

(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày 30/05/2026 của UBND xã Hà Nam)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh Người hoạt động KCT ở thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào tạo				Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH	Đại học	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
I	Thôn Lang Can 1														
1	Phạm Thị Thu	06/11/1972		1	Bí thư Chi bộ kiêm Trưởng Ban Công tác mặt trận	2,10			1					1	
2	Phan Nhật Tuý	27/12/1962		1	Trưởng thôn	2,10				1				1	1
II	Thôn Lang Can 2														
1	Phan Nhật Thoảng	11/3/1969		1	Bí thư Chi bộ kiêm Trưởng Ban Công tác mặt trận	2,10			1					1	
2	Tăng Bá Trang	20/6/1963		1	Trưởng thôn	2,10				1				1	1
III	Thôn Lang Can 3														
1	Phan Nhật Lợi	12/8/1966		1	Bí thư Chi bộ kiêm Trưởng Ban Công tác mặt trận	2,10			1					1	
2	Đỗ Đắc Thêm	27/9/1964		1	Trưởng thôn	2,10				1				1	1
IV	Thôn Kim Can														
1	Nguyễn Công Thuý	01/02/1962		1	Bí thư Chi bộ kiêm Trưởng Ban Công tác mặt trận	2,10				1				1	1

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh Người hoạt động KCT ở thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào tạo				Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH	Đại học	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1	Bùi Quang Trung	02/7/1970		1	Bí thư Chi bộ kiêm Trưởng Ban Công tác mặt trận	2,10			1					1	
2	Phạm Bá Thoi	01/10/1956			Trưởng thôn	2,10				1				1	1
X	Thôn Trường Giang														
1	Nguyễn Thị Bé	10/5/1972		1	Bí thư Chi bộ kiêm Trưởng Ban Công tác mặt trận	2,10			1					1	
2	Nguyễn Văn Thu	15/10/1984		1	Trưởng thôn	2,10		1				1			
XI	Thôn Mạc Thủ 1														
1	Bùi Thị Loan	20/12/1963		1	Bí thư Chi bộ kiêm Trưởng Ban Công tác mặt trận	2,10				1		1			1
2	Nguyễn Đức Hậu	12/12/1962		1	Trưởng thôn	2,10				1				1	1
XII	Thôn Mạc Thủ 2														
1	Phạm Văn Đạm	05/01/1977		1	Bí thư Chi bộ	2,10		1					1		
2	Tiêu Công Quân	25/11/1975		1	Trưởng thôn	2,10			1					1	
3	Nguyễn Thị Luyến	10/9/1961		1	Trưởng Ban Công tác mặt trận	1,8				1				1	1
XIII	Thôn Văn Mạc														

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh Người hoạt động KCT ở thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào tạo				Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH	Đại học	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp	
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>	<i>11</i>	<i>12</i>	<i>13</i>	<i>14</i>	<i>15</i>	<i>16</i>
1	Đào Xuân Đến	15/6/1963		1	Bí thư Chi bộ kiêm Trưởng Ban Công tác mặt trận	2,10				1				1	1
2	Đặng Thị Thơm	26/10/1971		1	Trưởng thôn	2,10			1					1	
XIV	Thôn Mạc Động														
1	Dương Văn Muốn	02/10/1968		1	Bí thư Chi bộ kiêm Trưởng Ban Công tác mặt trận	2,10				1				1	1
2	Nguyễn Thị Bích Diệp	28/5/1971		1	Trưởng thôn	2,10			1					1	
XV	Thôn Tiêu Xá														
1	Đặng Văn Tuấn	15/6/1982		1	Bí thư Chi bộ kiêm Trưởng Ban Công tác mặt trận	2,10		1				1			
2	Bùi Thị Huân	11/10/1984		1	Trưởng thôn	2,10		1				1			
	Tổng số			30			3	5	9	14		6	4	21	14

UBND XÃ HÀ NAM

PHỤ LỤC 3B

Danh sách người tham gia hoạt động trực tiếp ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn xã Hà Nam

(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày 30/05/2026 của UBND xã Hà Nam)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh tham gia hoạt động trực tiếp ở thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp/ hỗ trợ hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào tạo				Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên Đại học	Đại học	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1	Thôn Lang Can 1														
	Tăng Bá Hô	1954		1	Phó Trưởng thôn	1,0				1				1	1
2	Thôn Lang Can 2														
	Tăng Bá Toàn	1963		1	Phó Trưởng thôn	1,0				1				1	1
3	Thôn Lang Can 3														
	Tăng Thị Nhận	1961	1	1	Phó Trưởng thôn	1,0				1				1	1
4	Thôn Kim Can														
	Bùi Hữu Thư	1982		1	Phó Trưởng thôn	1,0		1						1	
5	Thôn Văn Tảo														
	Vũ Xuân Công	1984		1	Phó Trưởng thôn	1,0		1						1	
6	Thôn Tiên Tảo														
	Nguyễn Doãn Nam	04/9/1969		1	Phó Trưởng thôn	1,0			1					1	
7	Thôn Quách An														
	Mạc Thị Linh	28/10/1962	1	1	Phó Trưởng thôn	1,0				1				1	1
8	Thôn Tiêu Xá														
	Dương Văn Tuấn	1994		1	Thôn đội trưởng	0,5	1							1	
	Lương Thị Liên	05/11/1956	1	1	Phó Trưởng thôn	1,0				1				1	1

9	Thôn Văn Mạc													
	Lê Văn Vững	1960		1	Thôn đội trưởng	0,5			1				1	1
	Phạm Thị Việt Hà	1974	1	1	Phó Trưởng thôn	1,0			1			1		
10	Thôn Mạc Thủ 1													
	Phạm Thị Huyền	1975	1	1	Thôn đội trưởng	0,5			1				1	
	Đặng Thị Lân	23/9/1961	1	1	Phó Trưởng thôn	1,0			1				1	1
11	Thôn Mạc Thủ 2													
	Phạm Văn Phong	15/7/1990		1	Phó Trưởng thôn	1,0	1						1	
12	Thôn Mạc Động													
	Nguyễn Văn Xứng	1973		1	Thôn đội trưởng	0,5			1				1	
	Nguyễn Thị Nhân	1969	1	1	Phó Trưởng thôn	1,0			1				1	
13	Thôn Trường Giang													
	Nguyễn Văn Thường	1965		1	Thôn đội trưởng	0,5			1				1	1
	Nguyễn Văn Triệu	1963		1	Phó Trưởng thôn	1,0			1				1	1
14	Thôn Thiện Trang													
	Cao Thị Hợp	22/9/1975	1	1	Phó Trưởng thôn	1,0			1			1		
15	Thôn Xuân Đám													
	Lê Xuân Diển	1970		1	Phó Trưởng thôn	1,0			1				1	1
	Tổng số		8	20			2	2	7	9		2	18	10

PHỤ LỤC 4

Phương án sắp xếp, tổ chức lại thôn trên địa bàn xã Hà Nam

(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày 30/05/2026 của UBND xã Hà Nam)

TT	Tên thôn/tổ dân phố cũ	Số hộ gia đình (hộ)	Tổng số dân (người)	Diện tích (ha)	Phương án sắp xếp, tổ chức lại						Tỷ lệ % số hộ của Thôn sau sắp xếp so với quy mô số hộ gia đình theo quy định
					Phương án, tên thôn	Số hộ gia đình (hộ)	Tổng số dân (người)	Diện tích (ha)	Cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội phục vụ sinh hoạt của cộng đồng dân cư	Lý do đề nghị sáp nhập	
1	2	3		4	6	7	8	9	10	11	12
ĐỐI VỚI XÃ HÀ NAM: Thực hiện sắp xếp, sáp nhập 04 thôn thành 02 thôn mới đảm bảo quy mô số hộ gia đình; giảm 02 thôn											
1	Thôn Tiêu Xá	372	1.219	50.50	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại thôn Tiêu Xá với thôn Mạc Động thành lập thôn Mạc Xá	806	2.641	181.50	02 Nhà văn hóa	02 thôn liền kề nhau, 01 thôn có quy mô từ 70% đến dưới 100% số hộ gia đình theo quy định; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân	201.50
	Thôn Mạc Động	434	1.422	131.00							
2	Thôn Trường Giang	348	1.113	103.90	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại thôn Trường Giang với thôn Xuân Đám để thành lập thôn Xuân Áng	1066	3.651	493.71	02 Nhà văn hóa	02 thôn liền kề nhau, 01 thôn có quy mô từ 70% đến dưới 100% số hộ gia đình theo quy định; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân	266.50
	Thôn Xuân Đám	718	2.538	389.81							
3	Thôn Lang Can 1	732	2.216	258.60	Giữ nguyên						183.0
4	Thôn Lang Can 2	659	2.009	128.90	Giữ nguyên						164.8

TT	Tên thôn/tổ dân phố cũ	Số hộ gia đình (hộ)	Tổng số dân (người)	Diện tích (ha)	Phương án sắp xếp, tổ chức lại						Tỷ lệ % số hộ của Thôn sau sắp xếp so với quy mô số hộ gia đình theo quy định
					Phương án, tên thôn	Số hộ gia đình (hộ)	Tổng số dân (người)	Diện tích (ha)	Cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội phục vụ sinh hoạt của cộng đồng dân cư	Lý do đề nghị sáp nhập	
1	2	3		4	6	7	8	9	10	11	12
5	Thôn Lang Can 3	532	1.626	200	Giữ nguyên						133.0
6	Thôn Kim Can	476	1.405	230.35	Giữ nguyên						119.0
7	Thôn Quách An	491	1.502	139.70	Giữ nguyên						122.8
8	Thôn Tiên Tảo	766	2.284	188.40	Giữ nguyên						191.5
9	Thôn Văn Tảo	740	2.200	168.30	Giữ nguyên						185.0
10	Thôn Thiện Trang	699	2.436	246.80	Giữ nguyên						174.8
11	Thôn Mạc Thủ 1	629	2.092	362.20	Giữ nguyên						157.3
12	Thôn Mạc Thủ 2	461	1.514	58.90	Giữ nguyên						115.3
13	Thôn Văn Mạc	603	2.057	124.18	Giữ nguyên						150.8

PHỤ LỤC 5
DANH SÁCH THÔN KHÔNG ĐẢM BẢO TIÊU CHUẨN
NHƯNG ĐỊA PHƯƠNG ĐỀ XUẤT KHÔNG THỰC HIỆN SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI
(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày 30/05/2026 của UBND xã Hà Nam)

STT	Tên thôn	Quy mô thôn					Lý do không thực hiện sắp xếp
		Số hộ gia đình	Đạt tỷ lệ so với quy định	Tổng số dân	Diện tích (ha)	Yếu tố đặc thù (nếu có)	
<i>A</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>9</i>
	Không có						

Tổng số 0 thôn

PHỤ LỤC 6A

Tổng hợp số lượng, quy mô thôn sau khi sắp xếp trên địa bàn xã Hà Nam
 (Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày 30/05/2026 của UBND xã Hà Nam)

TT	Tên xã,	Số thôn, tổ dân phố hiện có	Số thôn tiến hành sắp xếp				Số thôn sau sắp xếp				Số lượng phương án sắp xếp			Số thôn, tổ dân phố chưa đảm bảo quy mô nhưng không thực hiện sắp xếp	Số thôn giảm sau khi sắp xếp	Số người HD KCT dự kiến giảm	Số người tham gia hoạt động trực tiếp dự kiến giảm	Trụ sở nhà văn hóa đôi dư	Ghi chú		
			Tổng số	Trong đó quy mô			Tổng số	Trong đó quy mô			Sắp xếp 02 thôn/ TDP	Sắp xếp 03 thôn/ TDP	Sắp xếp từ 04 thôn/ TDP trở lên								
				Dưới 50%	Từ 50% đến dưới 70%	Từ 70% đến dưới 100%		Từ 100% trở lên	Dưới 50%	Từ 50% đến dưới 70%										Từ 70% đến dưới 100%	Từ 100% trở lên
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
1	Xã Hà Nam	15	4			2	2	13	0	0	0	13	2	0	0	0	2	2	3		Không đôi dư, đề nghị tiếp tục sử dụng để làm các điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng

PHỤ LỤC 6B
TỔNG HỢP DANH SÁCH THÔN KHÔNG ĐẢM BẢO TIÊU CHUẨN
SAU SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI

(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày 30/05/2026 của UBND xã Hà Nam)

TT	Tên thôn	Số hộ gia đình (hộ)	Tổng số dân (người)	Diện tích (ha)	Phương án sắp xếp, tổ chức lại						Tỷ lệ % số hộ của Thôn/TDP sau sắp xếp so với quy mô số hộ gia đình theo quy định
					Phương án, tên thôn/ tổ dân phố mới	Số hộ gia đình (hộ)	Tổng số dân (người)	Diện tích (ha)	Cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội phục vụ sinh hoạt của cộng đồng dân cư	Lý do đề nghị sáp nhập	
1	2	3		4	6	7	8	9	10	11	12
1	Không có										

Tổng số 0 thôn

PHỤ LỤC 7

Tổng hợp thực trạng, phương án xử lý, bố trí trụ sở nhà văn hóa, khu thể thao sau sắp xếp thôn trên địa bàn xã Hà Nam
(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày 30/05/2026 của UBND xã Hà Nam)

TT	Tên thôn	Thuộc phương án sắp xếp thôn, tổ dân phố	Tổng số nhà văn hóa và khu thể thao hiện có			Số lượng dôi dư sau sắp xếp			Phương án xử lý, bố trí			Thuyết minh phương án xử lý, bố trí	Ghi chú
			Tổng số	Nhà văn hóa	Khu thể thao	Tổng số	Nhà văn hóa	Khu thể thao	Tiếp tục sử dụng	Chuyển giao cho quan có thẩm quyền quản lý, sử dụng	Phương án khác		
A		B	2	3	5	2			12	13	14	19	20
1	Thôn Tiêu Xá	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại thôn Tiêu Xá với thôn Mạc Động để thành lập thôn Mạc Động	2	2	0	1	1	0	2	0	0	Đề nghị tiếp tục sử dụng 02 nhà văn hóa để làm các điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng	
	Thôn Mạc Động												
2	Thôn Trường Giang	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại thôn Trường Giang với thôn Xuân Đám để thành lập thôn Xuân Áng	2	2	0	1	1	0	2	0	0	Đề nghị tiếp tục sử dụng 02 nhà văn hóa để làm các điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng	
	Thôn Xuân Đám												